VGP
CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 20.09.2019 09:13:19 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2048/QĐ-UBND	*An Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh An Giang

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: 8
Ngày: 31/9/19

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 402/KH-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh An giang về thực hiện Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 460/KH-UBND ngày ngày 29 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh An giang về Triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ; gắn với nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương (DDCI) của tỉnh An Giang 2019, định hướng đến năm 2021;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành trên địa bàn tỉnh An Giang.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các đơn vị có liên quan cập nhật, bổ sung thời gian được rút ngắn trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính vào Hệ thống Cổng dịch vụ công của tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Website Chính phủ;
- Cục kiểm soát TTHC – VPCP;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh; Đoàn ĐBQH AG;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Website tỉnh;
- Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

DANH MỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH RÚT NGẮN THỜI GIAN GIẢI QUYẾT SO VỚI QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

PHẦN I: CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND TỈNH

1. Danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
I	**Lĩnh vực Đầu tư**			
1	Thủ tục cấp GCN đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.	12 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh
2	Thủ tục điều chỉnh GCN đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	-nt-
II	**Lĩnh vực xây dựng**			
3	Thủ tục cấp GPXD đối với dự án đầu tư vào KCN, KKT cửa khẩu.	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh
4	Thủ tục điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với dự án đầu tư vào KCN, KKT cửa khẩu.	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	Quyết định 3313/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh
III	**Lĩnh vực lao động**			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
5	Thủ tục đăng ký nội quy lao động của các doanh nghiệp.	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Quyết định 3313/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh
6	Thủ tục cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	-nt-
IV	**Lĩnh vực môi trường**			
7	Thủ tục xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường.	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Quyết định 3313/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh
V	**Lĩnh vực đất đai**			
8	Thủ tục cho thuê đất và cấp Giấy CNQSD đất (đã có sẵn mặt bằng) đối với các dự án đầu tư trong KCN và KKT cửa khẩu.	36 ngày làm việc	26 ngày làm việc	Quyết định 3313/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh

2. Danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
I.	**Lĩnh vực giáo dục và đào tạo**			
1	Phê duyệt liên kết giáo dục	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc	Số 352/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh
2	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc	-nt-
3	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	-nt-
4	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	45 ngày làm việc	36 ngày làm việc	-nt-
5	Cho phép hoạt động đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-
6	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục mầm non; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	20 ngày làm việc	17 ngày làm việc	-nt-
7	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ	20 ngày làm việc	18 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
	thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam			
8	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc	-nt-
9	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc	-nt-
10	Chấm dứt hoạt động của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	30 ngày làm việc	25 ngày làm việc	-nt-
11	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc	Số 2053/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của UBND tỉnh
12	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-
13	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-
14	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc	-nt-
15	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường trung học phổ thông)	20 ngày làm việc	18 ngày làm việc	-nt-
16	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
	trường trung học phổ thông chuyên tư thục			
17	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-
18	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	20 ngày làm việc	20 ngày làm việc	-nt-
19	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc	-nt-
20	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-
21	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-
22	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-
23	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc	-nt-
24	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-
25	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	-nt-
26	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
27	Sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	-nt-
28	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	-nt-
29	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	-nt-
30	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	-nt-
31	Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	-nt-
32	Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	35 ngày làm việc	28 ngày làm việc	-nt-
33	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	25 ngày làm việc	20 ngày làm việc	-nt-
34	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc	-nt-
35	Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	35 ngày làm việc (15 ngày cho Sở Nội vụ, 20 ngày cho UBND tỉnh)	28 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
36	Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	35 ngày làm việc	28 ngày làm việc	-nt-
37	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-
38	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-
39	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp sư phạm)	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-
40	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc	-nt-
41	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc	-nt-
42	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc	-nt-
43	Thành lập phân hiệu trường TCSP hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-
44	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
	nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu)			
45	Thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường đại học tư thục	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc	-nt-
46	Thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc	-nt-
47	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	-nt-
48	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	-nt-
49	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	-nt-
50	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	-nt-
51	Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	05 ngày làm việc	4 ngày làm việc	-nt-
52	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học phổ thông	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
53	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	120 ngày làm việc	32 ngày làm việc	-nt-
54	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	120 ngày làm việc	32 ngày làm việc	-nt-
55	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	120 ngày làm việc	32 ngày làm việc	-nt-
56	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc	-nt-
57	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc	-nt-
58	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	60 ngày làm việc	48 ngày làm việc	-nt-
59	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	60 ngày làm việc	48 ngày làm việc	-nt-
60	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc	-nt-
61	Tiếp nhận lưu học sinh nước ngoài diện học bổng khác và tự túc vào học tại Việt Nam	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc	-nt-
II.	**Đào tạo với nước ngoài**			
62	Phê duyệt đề án liên kết Đào tạo với nước ngoài	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc	Số 2053/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của UBND tỉnh
63	Gia hạn đề án liên kết Đào tạo với nước ngoài	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
64	Cho phép mở phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc	-nt-
65	Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc	-nt-
66	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-
III.	**Lĩnh vực hệ thống văn bằng, chứng chỉ**			
67	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	05 ngày làm việc	4 ngày làm việc	Số 2053/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của UBND tỉnh
68	Công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do cơ sở nước ngoài cấp	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	-nt-

3. Danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
I	**Lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư**			
1	Thủ tục : Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất	Tối đa 60 ngày kế từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ ; Dự án nhóm B: Tối đa 30 ngày kế từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Tối đa 48 ngày kế từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Dự án nhóm B: Tối đa 24 ngày kế từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	QĐ 2998/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 của UBND tỉnh
II	**Lĩnh vực đấu thầu**			
2	Thủ tục: Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất	Tối đa 60 ngày kế từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Dự án nhóm B: Tối đa 30 ngày kế từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Tối đa 48 ngày kế từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ ; Dự án nhóm B: Tối đa 24 ngày kế từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	QĐ 2998/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 của UBND tỉnh
3	Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất	Dự án nhóm A không quá 40 ngày, dự án nhóm B, C không quá 30 ngày	Dự án nhóm A không quá 32 ngày, dự án nhóm B, C không quá 24 ngày	-nt-
III	**Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Liên hiệp hợp tác xã**			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
4	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc	Quyết định số 1632/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND tỉnh
5	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc	-nt-
6	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc	-nt-
7	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc	-nt-
8	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc	-nt-
9	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc	-nt-
10	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc	
11	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc	-nt-
12	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
	chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)			
13	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc	-nt-
14	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc	-nt-
15	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc	-nt-
16	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc	-nt-
17	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc	-nt-
18	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc	-nt-

4. Danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
I	**Lĩnh vực hoạt động KH&CN**			
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 23/02/2018 của UBND tỉnh
2	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	-nt-
3	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho Văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức KH&CN công lập, ngoài công lập	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	-nt-
4	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ KH&CN do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	-nt-
5	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	15 ngày làm việc	13 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
6	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	-nt-
II	**Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, An toàn bức xạ và Hạt nhân**			
7	Thủ tục khai báo thiết bị X quang chẩn đoán y tế	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 23/02/2018 của UBND tỉnh
8	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X quang trong chẩn đoán y tế)	30 ngày làm việc	25 ngày làm việc	-nt-
9	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X quang trong chẩn đoán y tế)	30 ngày làm việc	25 ngày làm việc	-nt-
10	Thủ tục cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X quang chẩn đoán trong y tế)	10 ngày làm việc	09 ngày làm việc	-nt-
11	Thủ tục phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X quang y tế)	10 ngày làm việc	09 ngày làm việc	-nt-

5. Danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
I. Lĩnh vực an toàn lao động				
1	Thủ tục Khai báo đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc	Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của UBND tỉnh
2	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc	Quyết định số 3771/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh
II. Lĩnh vực bảo trợ xã hội				
3	Thủ tục giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	Quyết định số 3771/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh
4	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của UBND tỉnh
5	Thủ tục cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	Quyết định số 3771/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
6	Thủ tục tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc	Quyết định số 3771/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh
III. Lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước				
7	Thủ tục đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày làm việc	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc	Quyết định số 3771/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh
8	Thủ tục đăng ký hợp đồng cá nhân	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc	-nt-
IV. Lĩnh vực việc làm				
9	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	Quyết định số 1656/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh
V. Lĩnh vực lao động – tiền lương				
10	Thủ tục gửi thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	Quyết định số 3771/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh
11	Thủ tục đăng ký nội quy lao động của các doanh nghiệp	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc	Quyết định số 1656/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh
VI. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp				
24	Thủ tục thành lập phân hiệu trường trung cấp công lập	10 ngày	05 ngày	Quyết định số 3771/QĐ-UBND

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
		làm việc	làm việc	ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh
25	Thủ tục thành lập phân hiệu trường trung cấp tư thục	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	-nt-
26	Thủ tục thành lập phân hiệu trường trung cấp tư thục có từ 02 thành viên góp vốn trở lên	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	-nt-
27	Thủ tục miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	-nt-
28	Thủ tục cách chức chủ tịch và các thành viên trong hội đồng trường trung cấp công lập	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	-nt-
29	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	10 ngày làm việc	7 ngày làm việc	Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của UBND tỉnh
30	Thủ tục giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp trong trường hợp vi phạm quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	Quyết định số 3771/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh
31	Thủ tục giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp theo đề	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	Quyết định số 3771/QĐ-UBND

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
	nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp			ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh
32	Thủ tục đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp	5 ngày làm việc	3 ngày làm việc	Quyết định số 3771/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh
33	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của UBND tỉnh
34	Thủ tục xác nhận phôi chứng chỉ sơ cấp, bản sao chứng chỉ sơ cấp	5 ngày làm việc	3 ngày làm việc	Quyết định số 3771/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh

6. Danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định của Bộ TNMT	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
1	Thủ tục thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	50 ngày làm việc	30 ngày làm việc	Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của UBND tỉnh
2	Thủ tục thẩm định và phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung	45 ngày làm việc	30 ngày làm việc	-nt-
3	Thủ tục thẩm định và xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung	40 ngày làm việc	20 ngày làm việc	-nt-
4	Thủ tục xem xét cấp lần đầu, cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH)			-nt-
	4.1 Đối tượng phải thành lập Đoàn kiểm tra.	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
	4.2 Đối tượng không phải thành lập Đoàn kiểm tra.	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
5	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	30 ngày làm việc	16 ngày làm việc	Quyết định 446/QĐ-UBND ngày 06/03/2018 của UBND tỉnh

6	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	-nt-
7	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	-nt-
8	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	30 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-
9	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	30 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-
10	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	30 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-
11	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	30 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-
12	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	-nt-

7. Danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và truyền thông tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
I	**Lĩnh vực bưu chính**			
1	Thủ tục cấp giấy phép bưu chính	21 ngày làm việc	12 ngày làm việc	Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 26/2/2019 của UBND tỉnh
2	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính	8 ngày làm việc	05 ngày làm việc	-nt-
3	Thủ tục cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn	8 ngày làm việc	05 ngày làm việc	-nt-
4	Thủ tục cấp lại giấy phép bưu chính bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	5 ngày làm việc	03 ngày làm việc	-nt-
5	Thủ tục cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	7 ngày làm việc	05 ngày làm việc	-nt-
6	Thủ tục cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	5 ngày làm việc	03 ngày làm việc	-nt-
II	**Lĩnh vực báo chí**			
7	Thủ tục Cấp Giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 26/2/2019 của UBND tỉnh
8	Thủ tục Thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	15 ngày làm việc	06 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
III	**Lĩnh vực xuất bản**			
9	Thủ tục Cấp phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	15 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 26/2/2019 của UBND tỉnh
10	Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	15 ngày làm việc	06 ngày làm việc	-nt-
11	Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động in	15 ngày làm việc	06 ngày làm việc	-nt-
IV	**Lĩnh vực thông tin điện tử**			
12	Thủ tục Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	10 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 26/2/2019 của UBND tỉnh

8. Danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
I. Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn				
1	Thủ tục Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND tỉnh
2	Thủ tục thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu	04 ngày làm việc	03 ngày làm việc	-nt-
II. Lĩnh vực Mỹ thuật				
3	Thủ tục Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND tỉnh
4	Thủ tục Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	-nt-
III. Lĩnh vực Quảng cáo				
5	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng rôn	05 ngày làm việc	- 05 ngày làm việc: đối với bảng quảng cáo	Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND tỉnh

			- 04 ngày làm việc: đối với băng rôn quảng cáo	-nt-
6	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	-nt-
IV	**Lĩnh vực Khách sạn**			
7	Thủ tục xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch.	30 ngày làm việc	25 ngày làm việc	Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND tỉnh
8	Thủ tục thẩm định lại cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch	30 ngày làm việc	25 ngày làm việc	-nt-

9. Danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
I. Lĩnh vực công trình đường bộ				
1	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ địa phương đang khai thác	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Quyết định 2816/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 của UBND tỉnh
2	Thủ tục chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn quốc lộ, đường bộ địa phương đang khai thác	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Quyết định 3747/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh
3	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông quốc lộ, đường bộ địa phương đang khai thác	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Quyết định 2816/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 của UBND tỉnh
4	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông quốc lộ, đường địa phương đang khai thác	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Quyết định 3747/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh
5	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ địa phương đang khai thác	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Quyết định 2816/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 của UBND tỉnh
6	Thủ tục cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ,	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Quyết định: 3747/QĐ-UBND

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
	đường bộ địa phương đang khai thác			ngày 18/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh
7	Thủ tục cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với quốc lộ, đường bộ địa phương đang khai thác	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	-nt-
8	Thủ tục chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối vào quốc lộ ủy thác, đường bộ địa phương.	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	-nt-
9	Thủ tục gia hạn chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối vào quốc lộ ủy thác, đường bộ địa phương	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	-nt-
10	Thủ tục cấp phép thi công nút giao đấu nối vào quốc lộ ủy thác, đường bộ địa phương	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	-nt-
11	Thủ tục đề nghị đấu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ, đường tỉnh đang khai thác	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	-nt-
12	Thủ tục chấp thuận các hoạt động văn hóa (thể thao, diễu hành, lễ hội) trên đường tỉnh, đường đô thị trong địa bàn tỉnh hoặc trên nhiều hệ thống đường bộ (trừ quốc lộ hoặc trên nhiều	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
	hệ thống đường bộ trong đó có quốc lộ)			
II. Đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng				
13	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Quyết định 1848/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của UBND tỉnh
14	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	Trường hợp thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu); Giấy chứng nhận đăng ký hoặc biển số bị hỏng: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định	02 ngày làm việc	-nt-
15	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-
16	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	-nt-
III. Cấp phép đào tạo, trung tâm sát hạch , sát hạch cấp giấy phép lái xe				
17	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	03 ngày làm việc kể từ	02 ngày làm việc kể từ	Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
		ngày đạt kết quả kiểm tra	ngày đạt kết quả kiểm tra	17/1/2019 của UBND tỉnh
18	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giia61y cứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe)	03 ngày làm việc kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra	02 ngày làm việc kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra	-nt-
19	Cấp lại Giấy phép lái xe tập lái	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-
20	Thủ tục lập lại hồ sơ gốc lái xe	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	-nt-
21	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	-nt-
22	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo hoặc lưu lượng đào tạo	08 ngày làm việc	05 ngày làm việc	-nt-
23	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
24	Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	-nt-
25	Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động: + Trường hợp có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	-nt-
	+ Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
IV. Vận tải đường bộ				
26	Thủ tục công bố lần đầu đưa bến xe khách vào khai thác	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Quyết định 2350/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh
27	Thủ tục công bố lại bến xe khách	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	-nt-
28	Thủ tục công bố đưa bến xe hàng vào khai thác			-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
		15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
29	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng ô tô	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Quyết định: 3226/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh
30	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng ô tô đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh hết hạn	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	-nt-
31	Thủ tục đăng ký khai thác tuyến cố định liên tỉnh.	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	Quyết định 2350/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh
32	Thủ tục đăng ký khai thác tuyến cố định nội tỉnh.	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	-nt-
33	Thủ tục ngừng khai thác tuyến xe buýt	08 ngày làm việc	05 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
34	Thủ tục cấp phù hiệu vận tải +Phương tiện mang biển số địa phương +Phương tiện mang biển số địa phương khác	02 ngày làm việc 08 ngày làm việc	01 ngày làm việc 06 ngày làm việc	-nt-
35	Thủ tục cấp phù hiệu xe nội bộ +Phương tiện mang biển số địa phương +Phương tiện mang biển số địa phương khác	02 ngày làm việc 08 ngày làm việc	01 ngày làm việc 06 ngày làm việc	-nt-
36	Thủ tục cấp phù hiệu xe trung chuyển +Phương tiện mang biển số địa phương +Phương tiện mang biển số địa phương khác	02 ngày làm việc 08 ngày làm việc	01 ngày làm việc 06 ngày làm việc	-nt-
V. Lĩnh vực vận tải đường bộ quốc tế việt nam - campuchia				
37	Thủ tục cấp phép liên vận phương tiện phi thương mại Việt Nam - Campuchia	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	Quyết định 2350/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh
VI. Lĩnh vực vận tải đường bộ quốc tế việt nam - lào				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
38	Thủ tục cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện thương mại	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	Quyết định 2350/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh
39	Thủ tục cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	-nt-
VII. Lĩnh vực vận tải đường bộ qua liên quốc gia: việt nam – campuchia - lào				
40	Thủ tục cấp Giấy phép vận tải CLV cho xe vận tải hành khách cố định	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Quyết định 2350/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh
41	Thủ tục cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-
42	Thủ tục đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam – Lào – Campuchia.	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-
VIII. Lĩnh vực công trình đường thủy				
43	Thủ tục công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thuỷ nội địa địa phương có dự án đầu tư xây dựng	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	Quyết định 2350/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
	Thủ tục công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thuỷ nội địa địa phương không có dự án đầu tư xây dựng			
44	Thủ tục cho ý kiến dự án công trình xây dựng cầu vĩnh cửu, cầu tạm + Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng + Công trình trên tuyến đường thủy nội địa Thủ tục cho ý kiến dự án xây dựng công trình cầu quay, cầu cất, cầu nâng hạ, cầu phao, âu tàu, đập, thủy điện, thủy lợi, công trình thủy điện, thủy lợi kết hợp giao thông + Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng + Công trình trên tuyến đường thủy nội địa	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	-nt-
45	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình đường ống, đường dây vượt qua luồng trên không trên luồng, tuyến đường thủy nội địa địa phương + Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng + Công trình trên tuyến đường thủy nội địa	10 ngày làm việc 05 ngày làm việc	08 ngày làm việc 03 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình cảng cá; cảng làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; công trình phong điện, nhiệt điện; cảng, bến thủy nội địa, bến phà; kè trên luồng, tuyến đường thủy nội địa địa phương: + Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng + Công trình trên tuyến đường thủy nội địa			
46	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình cảng cá; cảng làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; công trình phong điện, nhiệt điện; cảng, bến thủy nội địa, bến phà; kè trên luồng, tuyến đường thủy nội địa địa phương + Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng + Công trình trên tuyến đường thủy nội địa Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình khai thác tài nguyên, nạo vét trên luồng, tuyến đường thủy nội địa địa phương	10 ngày làm việc 05 ngày làm việc	08 ngày làm việc 03 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
	+ Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng + Công trình trên tuyến đường thủy nội địa			
47	Thủ tục cho ý kiến đối với khu vực nuôi trồng thủy sản, hải sản, vùng nước hoạt động dạy nghề, vùng nước neo đậu phương tiện, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, khu vực thể thao trên luồng, tuyến đường thủy nội địa địa phương + Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng + Công trình trên tuyến đường thủy nội địa Thủ tục chấp thuận phương án, điều chỉnh phương án đảm bảo an toàn giao thông thi công công trình trên đường thủy nội địa	10 ngày làm việc 05 ngày làm việc	08 ngày làm việc 03 ngày làm việc	-nt-
48	Thủ tục công bố hạn chế giao thông thi công công trình trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương Thủ tục công bố hạn chế giao thông đảm bảo an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương	10 ngày làm việc 05 ngày làm việc	08 ngày làm việc 03 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
49	Thủ tục công bố hạn chế giao thông tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa địa phương Thủ tục công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thuỷ nội địa địa phương có dự án đầu tư xây dựng	10 ngày làm việc 05 ngày làm việc	08 ngày làm việc 03 ngày làm việc	-nt-
50	Thủ tục công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thuỷ nội địa địa phương không có dự án đầu tư xây dựng Thủ tục cho ý kiến dự án công trình xây dựng cầu vĩnh cửu, cầu tạm + Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng + Công trình trên tuyến đường thủy nội địa	10 ngày làm việc 05 ngày làm việc	08 ngày làm việc 03 ngày làm việc	-nt-
51	Thủ tục cho ý kiến dự án xây dựng công trình cầu quay, cầu cất, cầu nâng hạ, cầu phao, âu tàu, đập, thủy điện, thủy lợi, công trình thủy điện, thủy lợi kết hợp giao thông + Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng + Công trình trên tuyến đường thủy nội địa	10 ngày làm việc 05 ngày làm việc	08 ngày làm việc 03 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình đường ống, đường dây vượt qua luồng trên không trên luồng, tuyến đường thủy nội địa địa phương + Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng + Công trình trên tuyến đường thủy nội địa			
52	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình cảng cá; cảng làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; công trình phong điện, nhiệt điện; cảng, bến thủy nội địa, bến phà; kè trên luồng, tuyến đường thủy nội địa địa phương: + Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng + Công trình trên tuyến đường thủy nội địa Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình cảng cá; cảng làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; công trình phong điện, nhiệt điện; cảng, bến thủy nội địa, bến phà; kè trên luồng, tuyến đường thủy nội địa địa phương	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
	+ Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng + Công trình trên tuyến đường thủy nội địa			
53	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình khai thác tài nguyên, nạo vét trên luồng, tuyến đường thủy nội địa địa phương + Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng + Công trình trên tuyến đường thủy nội địa Thủ tục cho ý kiến đối với khu vực nuôi trồng thủy sản, hải sản, vùng nước hoạt động dạy nghề, vùng nước neo đậu phương tiện, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, khu vực thể thao trên luồng, tuyến đường thủy nội địa địa phương + Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng + Công trình trên tuyến đường thủy nội địa	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	-nt-
54	Thủ tục chấp thuận phương án, điều chỉnh phương án đảm bảo an toàn giao thông thi công công trình trên đường thủy nội địa	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
55	Thủ tục công bố hạn chế giao thông thi công công trình trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	-nt-
IX. Lĩnh vực đăng ký phương tiện thủy nội địa				
56	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Quyết định 2350/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh
57	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (khai thác trước ngày làm việc 01/01/2005)	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-
58	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (đóng mới trong nước sau ngày làm việc 01/01/2005)	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-
59	Thủ tục đăng ký lại phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
60	Thủ tục đăng ký lại phương tiện do thay đổi tính năng kỹ thuật	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Quyết định 2350/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh
61	Thủ tục đăng ký lại phương tiện do thay đổi tên	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-
62	Thủ tục đăng ký lại phương tiện chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-
63	Thủ tục đăng ký lại phương tiện chuyển quyền sở hữu,đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-
64	Thủ tục đăng ký lại phương tiện do chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
65	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất, hỏng	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Quyết định 2350/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh
66	Thủ tục xóa đăng ký phương tiện	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-
X. Thi, cấp đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, phương tiện thủy nội địa				
67	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa loại 4	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Quyết định số 2698/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của UBND tỉnh
68	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa loại 4 bị mất, bị hỏng hoặc thay đổi địa chỉ Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	-nt-
69	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên,	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
	người lái phương tiện thủy nội địa loại 4			
XI. Lĩnh vực công bố cảng thủy nội địa				
70	Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Quyết định 2350/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh
71	Thủ tục chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	-nt-
72	Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	-nt-
73	Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài mở rộng hoặc nâng cấp năng lực thông qua cảng	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	-nt-
74	Thủ tục công bố hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Quyết định số 2698/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của UBND tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
75	Thủ tục công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Quyết định số 2698/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của UBND tỉnh
76	Thủ tục công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài do mở rộng hoặc nâng cấp năng lực thông qua	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	-nt-
XII. Lĩnh vực cấp phép hoạt động bến thuỷ nội địa				
77	Thủ tục chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Quyết định 2350/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh
78	Thủ tục cấp mới, cấp lại phép hoạt động bến thủy nội địa mở rộng, nâng cấp nâng cao năng lực thông qua	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	-nt-
79	Thủ tục chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-
XIII. Lĩnh vực cấp phép hoạt động bến khách ngang sông				
80	Thủ tục chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Quyết định 2350/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh
81	Thủ tục cấp mới, cấp lại phép hoạt động bến khách ngang			Quyết định số 2698/QĐ-UBND

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
	sông mở rộng, nâng cấp nâng cao năng lực thông qua	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	ngày 11/9/2017 của UBND tỉnh
82	Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-
XIV. Lĩnh vực vận tải đường thủy nội địa				
83	Thủ tục cấp phép hoạt động vận tải thủy qua biên giới cho phương tiện Việt Nam – Campuchia)	03 ngày làm việc	01 ngày làm việc	Quyết định 2350/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh
84	Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách ngang sông	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Cảng vụ Hàng hải hoặc Chi cục Đường thủy nội địa khu vực	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Cảng vụ Hàng hải hoặc Chi cục Đường thủy nội địa	-nt-
85	Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định trên tuyến đường thủy nội địa	03 ngày làm việc kể từ khi nhận được ý kiến của Sở Giao thông	02 ngày làm việc kể từ khi nhận được ý kiến của Sở Giao thông	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
		vận tải hoặc Cảng vụ Hàng hải, Chi cục Đường thủy nội địa khu vực	vận tải hoặc Cảng vụ Hàng hải, Chi cục Đường thủy nội địa khu vực	
86	Thủ tục phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi dùng để chở hành khách và xe ô tô.	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc	Quyết định số 2698/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của UBND tỉnh

10.Danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
I. Lĩnh vực quản lý công sản				
1	Thủ tục xác lập sở hữu nhà nước đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc	Quyết định số 3690/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh
2	Thủ tục xác định các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp của người sử dụng đất	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh
3	Thủ tục báo cáo kê khai TSNN tại cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được giao, quản lý sử dụng TSNN	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	
4	Thủ tục điều chuyển tài sản là hệ thống điện được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước sang ngành điện quản lý	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc	Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của UBND tỉnh
5	Thủ tục hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc	Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh
6	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc	Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 06/9/2018

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
7	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc	Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh
8	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc	-nt-
9	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư	Bước 2: 30 ngày làm việc	Bước 2: 24 ngày làm việc	-nt-
10	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc	-nt-
11	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a,b,c,d,đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	60 ngày làm việc	48 ngày làm việc	-nt-
12	Quyết định điều chuyển tài sản công	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc	-nt-
13	Quyết định bán tài sản công	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc	-nt-
14	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2, Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
15	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	-nt-
16	Quyết định thanh lý tài sản công	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc	-nt-
17	Quyết định tiêu hủy tài sản công	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc	-nt-
18	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc	-nt-
19	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc	-nt-
20	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê	Bước 2: 30 ngày làm việc	Bước 2: 24 ngày làm việc	-nt-
21	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết	Bước 2: 30 ngày làm việc	Bước 2: 24 ngày làm việc	-nt-
22	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc	Bước 2: 30 ngày làm việc	Bước 2: 24 ngày làm việc	-nt-
23	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án	Bước 2: 30 ngày làm việc	Bước 2: 24 ngày làm việc	-nt-
24	Thủ tục Mua quyển hóa đơn	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	-nt-
25	Thủ tục Mua hóa đơn lẻ	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	-nt-
II. Lĩnh vực tài chính doanh nghiệp				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
26	Thủ tục chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh
27	Thủ tục chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty trách nhiêm hữu hạn một thành viên	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	-nt-
28	Thủ tục thẩm định mua bán tài sản vượt quá thẩm quyền của doanh nghiệp	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	-nt-
29	Thủ tục thẩm định thanh toán khối lượng dịch vụ công ích	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	-nt-
30	Thủ tục thẩm tra chi phí dịch vụ, sản phẩm công ích	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	-nt-
31	Thủ tục đánh giá, xếp loại công ty nhà nước	90 ngày làm việc	60 ngày làm việc	-nt-
32	Thủ tục cấp phát kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí thuộc nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu hàng năm	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	-nt-
33	Thủ tục thanh toán, quyết toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí thuộc nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu hàng năm	22 ngày làm việc	17 ngày làm việc	-nt-
III. Lĩnh vực quản lý ngân sách nhà nước				
34	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh
35	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
	các đơn vị khác có quan hệ với ngân sách			
36	Thủ tục đăng ký thay đổi thông tin về mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (*Dùng cho đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị khác có quan hệ với ngân sách)*	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-
37	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho dự án đầu tư giai đoạn chuẩn bị đầu tư	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-
38	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho các dự án đầu tư giai đoạn thực hiện dự án	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-
39	Đăng ký chuyển giai đoạn dự án đầu tư	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-
40	Thủ tục đăng ký thay đổi thông tin về mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(Dùng cho dự án đầu tư).*	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-
IV. Thanh toán hỗ trợ doanh nghiệp, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn				
41	Thủ tục thanh toán hỗ trợ ngân sách nhà nước về tiền thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh
42	Thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ đào tại nguồn nhân lực	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	-nt-
43	Thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ phát triển thị trường	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	-nt-
44	Thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
45	Thủ tục thanh toán hỗ trợ hạng mục xây dựng cơ bản	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	
46	Thủ tục thanh toán hỗ trợ chi phí vận chuyển	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	-nt-
V. Lĩnh vực hành chính về cơ chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị				
47	Thủ tục xác định giá bán tài sản gắn liền với đất, giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vị trí cũ của đơn vị phải thực hiện di dời	45 ngày làm việc	36 ngày làm việc	Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh
VI. Lĩnh vực giá				
48	Thủ tục hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Sở Tài chính	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh
49	Thủ tục đăng ký giá (*thực hiện trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá*)	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Quyết định số 3690/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh
50	Thủ tục thẩm định phương án giá thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	15 đến 30 ngày làm việc	12 đến 24 ngày làm việc	-nt-
VII. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại tố cáo				
51	Thủ tục chuyển đơn khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân không thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Quyết định số 3690/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh
52	Thủ tục giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân thuộc thẩm quyền Sở Tài chính	30 đến 90 ngày làm việc	24 đến 72 ngày làm việc	-nt-

11.Danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
I	**Lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản**			
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản	18 ngày làm việc	15 ngày làm việc	Quyết định số 3748/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh
2	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn	18 ngày làm việc	15 ngày làm việc	-nt-
II	**Lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật**			
3	Quảng cáo giống cây trồng	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc	Quyết định số 3748/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh
4	Quảng cáo phân bón	10 ngày làm việc	7 ngày làm việc	-nt-
5	Quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc	-nt-

12.Danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
I. Lĩnh vực công chứng				
1	Thủ tục đăng ký tập sự hành nghề công chứng	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND tỉnh
2	Thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	15 ngày làm việc	11 ngày làm việc	-nt-
3	Thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	-nt-
4	Thủ tục đăng ký hoạt động đối với Văn phòng công chứng hợp nhất	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	-nt-
II. Lĩnh vực luật sư				
5	Thủ tục đăng ký hành nghề của luật sư với tư cách cá nhân	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND tỉnh
6	Thủ tục cấp lại giấy đăng ký hoạt động cho tổ chức hành nghề luật sư khi thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	-nt-
III. Lĩnh vực tư vấn pháp luật				
7	Thủ tục đăng ký hoạt động cho Chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
8	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	-nt-
IV. Lĩnh vực trợ giúp pháp lý				
9	Thủ tục cấp thẻ Cộng tác viên trợ giúp pháp lý	07 ngày (04 ngày tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý và 03 ngày tại Sở Tư pháp).	06 ngày (04 ngày tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý và 02 ngày tại Sở Tư pháp).	Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của UBND tỉnh
10	Thủ tục cấp lại thẻ Cộng tác viên trợ giúp pháp lý	07 ngày (04 ngày tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý và 03 ngày tại Sở Tư pháp).	06 ngày (04 ngày tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý và 02 ngày tại Sở Tư pháp).	-nt-
V. Lĩnh vực trọng tài thương mại				
11	Thủ tục thay đổi nội dung giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND tỉnh
12	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	15 ngày làm việc	11 ngày làm việc	-nt-
VI. Giám định tư pháp, bán đấu giá tài sản				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
13	Thủ tục Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	30 ngày làm việc	25 ngày làm việc	Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND tỉnh
14	Thủ tục cấp thẻ đấu giá viên	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Quyết định số 892/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 của UBND tỉnh
15	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	-nt-
VII. Lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý thanh lý tài sản				
16	Thủ tục đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND tỉnh
17	Thủ tục thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	-nt-
VIII . Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật				
18	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Quyết định số 892/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 của UBND tỉnh
19	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	-nt-

13.Danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
I. Lĩnh vực điện				
1	Thủ tục cấp Giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp đến 35kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương.	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Quyết định 2190/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của UBND tỉnh
2	Thủ tục cấp Giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến 35kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương.	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	-nt-
II. Lĩnh vực dầu khí				
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Quyết định 2190/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của UBND tỉnh
4	Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc	-nt-
5	Cấp điều chỉnh Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc	-nt-
6	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	-nt-
7	Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
8	Cấp điều chỉnh Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc	Quyết định 2190/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của UBND tỉnh
9	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	-nt-
10	Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc	-nt-
11	Cấp điều chỉnh Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc	-nt-
III. Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước				
12	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.	20 ngày làm việc	19 ngày làm việc	Quyết định 2190/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của UBND tỉnh
13	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.	30 ngày làm việc	7 ngày làm việc	-nt-
14	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Trường hợp bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác).	30 ngày làm việc	7 ngày làm việc	-nt-
15	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Trường hợp Giấy xác nhận hết hiệu lực thi hành)	20 ngày làm việc	19 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
16	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	20 ngày làm việc	19 ngày làm việc	Quyết định 2190/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của UBND tỉnh
17	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	20 ngày làm việc	7 ngày làm việc	-nt-
18	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (trường hợp bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình th ức khác).	20 ngày làm việc	7 ngày làm việc	-nt-
19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (trường hợp Giấy xác nhận hết hiệu lực thi hành)	20 ngày làm việc	19 ngày làm việc	-nt-
20	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	20 ngày làm việc	17 ngày làm việc	-nt-
21	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-
22	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (trường hợp bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác).	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-
23	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (trường hợp Giấy chứng nhận hết hiệu lực thi hành).	20 ngày làm việc	17 ngày làm việc	-nt-
24	Thủ tục cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	-nt-
25	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.	15 ngày làm việc	13 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
26	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực).	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Quyết định 2190/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của UBND tỉnh
27	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát, hoặc bị cháy).	15 ngày làm việc	13 ngày làm việc	-nt-
28	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Quyết định 1890/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh
29	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc	-nt-
30	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực).	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	-nt-
31	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát, hoặc bị cháy).	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc	-nt-
32	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	10 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Quyết định 2190/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của UBND tỉnh
33	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	-nt-
34	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây	10 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Quyết định 2190/QĐ-UBND

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
	thuốc lá (trường hợp Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực)			ngày 10/9/2018 của UBND tỉnh
35	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát, hoặc bị cháy)	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	-nt-
36	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	-nt-
37	Thủ tục cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát, hoặc bị cháy)	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	-nt-
IV. Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng				
38	Thủ tục cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.	10 ngày làm việc	9 ngày làm việc	Quyết định 2190/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của UBND tỉnh
39	Thủ tục cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực).	10 ngày làm việc	9 ngày làm việc	-nt-
V. Lĩnh vực an toàn thực phẩm				
40	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.	27 ngày làm việc	22 ngày làm việc	Quyết định 1890/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
41	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (trường hợp Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng).	10 ngày làm việc	7 ngày làm việc	Quyết định 1890/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh
42	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (trường hợp cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực).	27 ngày làm việc	22 ngày làm việc	-nt-
43	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (trường hợp cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh).	10 ngày làm việc	7 ngày làm việc	-nt-
VI. Lĩnh vực quản lý cạnh tranh				
44	Thủ tục đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo qui định của pháp Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	10 ngày làm việc	9 ngày làm việc	Quyết định 2190/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của UBND tỉnh
VII. Lĩnh vực xúc tiến thương mại				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
45	Thủ tục xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam.	15 ngày làm việc	7 ngày làm việc	Quyết định 1890/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh
VIII. Lĩnh vực hóa chất				
46	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	17 ngày làm việc	12 ngày làm việc	Quyết định 2190/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của UBND tỉnh
47	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	17 ngày làm việc	05 ngày làm việc	-nt-
48	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	17 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-
49	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	17 ngày làm việc	12 ngày làm việc	-nt-
50	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	17 ngày làm việc	05 ngày làm việc	-nt-
51	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	17 ngày làm việc	16 ngày làm việc	-nt-

14.Danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
	I. Lĩnh vực tôn giáo			
1	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	60 ngày làm việc	48 ngày làm việc	Quyết định 459/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh
2	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc	-nt-
3	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	60 ngày làm việc	48 ngày làm việc	-nt-
4	Thủ tục đăng ký thuyên chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc	-nt-
5	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc	-nt-
6	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	-nt-
7	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
8	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	60 ngày làm việc	48 ngày làm việc	-nt-
9	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	45 ngày làm việc	35 ngày làm việc	-nt-
10	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	45 ngày làm việc	35 ngày làm việc	-nt-
11	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	60 ngày làm việc	48 ngày làm việc	-nt-
12	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	-nt-
13	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	-nt-
14	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	-nt-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
15	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	-nt-

15. Danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
I	**Lĩnh vực lễ tân nhà nước**			
1	Thủ tục cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC (ABTC)	12 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Quyết định số 3586/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của UBND tỉnh

16. Danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
I. Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh				
1	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a và b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh.	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	- Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 - Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 08/5/2019
2	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh.	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	
3	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	45 ngày làm việc	30 ngày làm việc	
4	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 Luật khám bệnh, chữa bệnh.	45 ngày làm việc	30 ngày làm việc	
5	Thủ tục thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	45 ngày làm việc	30 ngày làm việc	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
6	Thủ tục công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện việc khám sức khỏe	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	- Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 - Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 08/5/2019
7	Thủ tục điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn.	45 ngày làm việc	30 ngày làm việc	
II. Lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm				
8	Thủ tục đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt; sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	- Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 - Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 08/5/2019

PHẦN II: CÁC CƠ QUAN NGÀNH DỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

1. Danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
I	**Lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy**			
1	Thủ tục thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với các dự án, công trình quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014	+ Dự án thiết kế quy hoạch: Không quá 10 ngày làm việc.	+ Dự án thiết kế quy hoạch: Không quá 08 ngày làm việc.	Quyết định số 5551/QĐ-BCA-V19 của Bộ Công an
		+ Thiết kế cơ sở: Không quá 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm A; không quá 05 ngày làm việc đối với dự án nhóm B và C.	+ Thiết kế cơ sở: Không quá 08 ngày làm việc đối với dự án nhóm A; không quá 04 ngày làm việc đối với dự án nhóm B và C.	
		+ Thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công: Không quá 15 ngày làm việc đối với dự án, công trình nhóm A; Không quá 10 ngày làm việc đối với dự án, công trình nhóm B và C.	+ Thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công: Không quá 12 ngày làm việc đối với dự án, công trình nhóm A; Không quá 08 ngày làm việc đối với dự án, công trình nhóm B và C.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
		+ Chấp thuận địa điểm xây dựng công trình: Không quá 05 ngày làm việc.	+ Chấp thuận địa điểm xây dựng công trình: Không quá 04 ngày làm việc.	
2	Thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	Quyết định số 5551/QĐ-BCA-V19 của Bộ Công an
3	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu	04 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu	Quyết định số 5551/QĐ-BCA-V19 của Bộ Công an
4	Thủ tục đổi giấy chứng nhận nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 5551/QĐ-BCA-V19 của Bộ Công an
5	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Quyết định số 5551/QĐ-BCA-V19 của Bộ Công an
II	**Lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh**			
6	Thủ tục cấp thị thực cho người nước ngoài	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Quyết định số 5551/QĐ-BCA-V19 của Bộ Công an
7	Thủ tục giam hạn tạm trú cho người nước ngoài tại An Giang	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Quyết định số 5551/QĐ-BCA-V19 của Bộ Công an

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
III	**Lĩnh vực cấp chứng minh nhân dân**			
8	Thủ tục cấp mới chứng minh nhân dân	Từ 07 đến 20 ngày làm việc	Trong ngày	Quyết định số 5551/QĐ-BCA-V19 của Bộ Công an
9	Thủ tục cấp đổi chứng minh nhân dân	Từ 07 đến 20 ngày làm việc	Trong ngày	Quyết định số 5551/QĐ-BCA-V19 của Bộ Công an
10	Thủ tục cấp lại chứng minh nhân dân	Từ 07 đến 20 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Quyết định số 5551/QĐ-BCA-V19 của Bộ Công an
IV	**Lĩnh vực quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện về antt**			
11	Thủ tục cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Quyết định số 1386/QĐ-BCA-C41 của Bộ Công an
12	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT	04 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Quyết định số 1386/QĐ-BCA-C41 của Bộ Công an
13	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT	04 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Quyết định số 1386/QĐ-BCA-C41 của Bộ Công an
V	**Lĩnh vực đăng ký, quản lý con dấu**			
14	Thủ tục đăng ký mẫu con dấu mới	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Quyết định số 1386/QĐ-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
				BCA-C41 của Bộ Công an

2. Danh mục thủ tục hành chính rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi rút ngắn	Được công bố theo Quyết định
1	Cấp lại, đổi thẻ BHYT do thay đổi thông tin trên thẻ BHYT (các trường hợp đang nhập viện, chuyển viện, khám chữa bệnh)	03 ngày làm việc	Giải quyết ngay trong ngày	Quyết định số 247/QĐ-BHXH ngày 16/8/2019